TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2018
V/v "tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Hùng.

2. Bà Phạm Hồng Cẩm.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2017 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Trần Thị N**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: sau thời gian tìm hiểu, chị N với anh T chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chị N với anh T chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Tr thường xuyên uống rượu, cá độ bóng đá nên chị với anh T thường cự cãi nhau. Vì muốn duy trì hạnh phúc gia đình nên chị nhiều lần khuyên ngăn để anh T lo làm ăn nhưng anh vẫn không thay đổi.

Đến tháng 4 năm 2015 thì chị N và anh T sống ly thân cho đến nay. Do không có đăng ký kết hôn nên chị N yêu cầu Tòa án không công nhận chị với anh T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: chị N với anh T có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 31/8/2008. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi cháu N; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Hoàng T: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T, nhưng anh đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T có địa chỉ tại xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Hoàng T để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, anh T đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về nội dung: chị N với anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị N với anh T chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và sống ly thân từ tháng 4 năm 2015 cho đến nay. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh không đến tham gia các phiên hòa giải, cũng như không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn tình cảm với chị N. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Tại khoản 2 Điều 53 quy định: "Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này". Chị N yêu cầu ly hôn với anh T, nhưng do chị N với anh T không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N với anh Nguyễn Hoàng T.

[4] Về quan hệ con chung: chị N với anh T có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh

N, sinh ngày 31/8/2008. Chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên; cháu N đang sống chung với chị N và được học hành ổn định. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2017 thì nguyện vọng của cháu N muốn được ở với chị N. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu N, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu N cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết thì chị N, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Do chị Trần Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N với anh Nguyễn Hoàng T.

- Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 31/8/2008.

Giao cháu Nguyễn Huỳnh N cho chị Trần Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu N đang sống chung với chị N). Anh Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con; anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị N và anh T trong thời kỳ hôn nhân thì chị Trần Thị N và anh Nguyễn Hoàng T phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí sơ thẩm: chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000657 ngày 25/10/2017

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em